

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27- 4 - 2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Miện;
2. Ông Nguyễn Đức Liệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 887/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2021/QĐ-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà Thái Thị Tr, sinh năm 1980; (vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Ấp Vàm, xã N, huyện H, tỉnh L

Địa chỉ tạm trú: T Nguyễn Cảnh Chân, phường c, Quận H, Thành phố H

Địa chỉ liên hệ: BLk 19 Jalan Jintan, S 229012

Bị đơn: Ông S, sinh năm 1968 (vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ tạm trú: số A đường L, phường P, thành phố V, tỉnh B.

Người tham gia tố tụng khác: Ông Trương Tấn V, Giám đốc Công ty TNHH Dịch thuật & Tư vấn du học toàn cầu - Là người phiên dịch cho ông S (vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số K đường L, phường M, thành phố V, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thái Thị Tr trình bày:

Bà và ông S tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 165, quyển 01 ngày 08-11- 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại địa chỉ số A đường L, phường P, thành phố V, tỉnh B. Bà và ông S có 01 con chung là Thái Ngọc P, sinh ngày 04-5-2013.

Từ khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, không ai chịu hiểu ai. Cuộc sống hôn nhân của bà không hạnh phúc nhưng do con còn nhỏ nên đã nhiều lần bà và ông S cố gắng nhường nhịn với mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên trải qua một thời gian dài, bà và ông S không thể hàn gắn tình cảm nên từ năm 2015 bà và cháu Thái Ngọc Ph đã chuyển đi nơi khác sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Nay bà thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông S .
- Về con chung: Bà và ông S có 01 (một) con chung tên Thái Ngọc P, sinh ngày 04-5-2013. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông S trình bày:* Ông và bà Tr là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 165, quyền 01 ngày 08 - 11-2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại địa chỉ số A đường L, phường P, thành phố V, tỉnh B. Ông và bà Tr có 01 con chung tên là Thái Ngọc P, sinh ngày 04-5-2013.

Quá trình chung sống, vợ chồng 02 lần phát sinh mâu thuẫn: Lần thứ nhất là tháng 10-2017. Bà Tr và cháu Ph bỏ nhà đi cùng khoản tiết kiệm của gia đình. Bà Tr và con gái sống ở tỉnh L, S khoảng 06 tháng thì ông đón về sum họp gia đình. Lần thứ hai, ông phát hiện bà Tr có quan hệ với người đàn ông khác, bà Tr và con gái bỏ nhà đi từ tháng 10-2018 cho đến nay. Sau hai lần bà Tr bỏ đi, mọi tình yêu thương và niềm tin trong cuộc hôn nhân này của ông là đã hết. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10-2018 cho đến nay. Vì vậy, trước yêu cầu khởi kiện của bà Tr, ông có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn;
- Về con chung: Ông và bà Tr có 01 con chung tên là Thái Ngọc P, sinh ngày 04-5-2013. Ông đồng ý để bà Tr là người trực tiếp nuôi con, ông không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu tòa án giải quyết

3. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:*

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Tr và ông S là có thật, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng có thời gian ly thân từ tháng 10-2018 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt nên có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao con chung là Thái Ngọc Ph cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, ông S không cấp dưỡng nuôi con, không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Thái Thị Tr yêu cầu được ly hôn với ông S nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Thái Thị Tr sau khi nộp đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý mới ra nước ngoài, căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu tiếp tục giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bà Thái Thị Tr có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông S, ông S hiện đang sinh sống tại địa chỉ số A đường L, phường P, thành phố V, tỉnh B nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người tham gia tố tụng khác có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn, người tham gia tố tụng khác.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị Tr và ông S tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh L ngày 21-10-2013 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 165, quyển số 01 ngày 08-11-2013 nên hôn nhân là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa vợ chồng bà Tr và ông S phát sinh mâu thuẫn, điều này thể hiện qua lời trình bày của bà Tr, ông S và phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương, nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình không hòa hợp. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, thời gian ly thân cũng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai; do đó có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn hôn nhân giữa bà Tr và ông S là có thật, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể chung sống với nhau nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr.

[2.2] Về con chung: Bà Tr và ông S xác nhận có 01 một chung tên Thái Ngọc P, sinh ngày 04-5- 2013. Bà Tr có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy, bà Tr có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, ông S đồng ý và theo nguyện vọng của cháu Ph, Hội đồng xét xử giao cháu Thái Ngọc P, sinh ngày 04-5-2013 cho bà Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3] Về Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Tr phải nộp 300.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2, 3 Điều 36 điểm a

khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Tr đối với ông S .

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị Tr được ly hôn với ông S.

2. Về con chung: Bà Thái Thị Tr và ông S xác nhận có 01 một chung tên Thái Ngọc P, sinh ngày 04-5-2013. Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Ông S không cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thái Thị Tr phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0002716 ngày 08-10-2020 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà Tr đã nộp đủ.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố ;
- UBND tỉnh L;
- Lưu hồ sơ.

Bùi Thị Ngát

